

# PHẠM VI XÉT XỬ PHỤC THẨM VỀ HÌNH SỰ VÀ QUYỀN SỬA BẢN ÁN SƠ THẨM

TS. VŨ GIA LÂM \*

Để thực hiện nguyên tắc hai cấp xét xử, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 (BLTTHS) đã quy định hai thủ tục xét xử cụ thể là xét xử sơ thẩm (tại Phần thứ ba - từ Điều 170 đến Điều 229) và xét xử phúc thẩm (tại Phần thứ tư - từ Điều 230 đến Điều 254).

1. Phạm vi xét xử phúc thẩm được quy định tại Điều 241 BLTTHS với nội dung: *Toà án cấp phúc thẩm xem xét nội dung kháng cáo, kháng nghị. Nếu xét thấy cần thiết thì toà án cấp phúc thẩm có thể xem xét các phần khác không bị kháng cáo, kháng nghị của bản án.*

Quy định về phạm vi xét xử phúc thẩm như vậy, nếu đặt trong mối quan hệ với tính chất của xét xử phúc thẩm mà BLTTHS đã xác định tại Điều 230, theo chúng tôi là chưa chính xác và không đảm bảo sự thống nhất ngay trong chính các quy định của Bộ luật này, vì các lí do sau:

*Thứ nhất*, theo quy định tại Điều 230 BLTTHS về tính chất của xét xử phúc thẩm thì: *"Xét xử phúc thẩm là việc toà án cấp trên trực tiếp xét xử lại vụ án hoặc xét lại quyết định sơ thẩm mà bản án, quyết định sơ thẩm đối với vụ án đó chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo hoặc kháng nghị"*. Theo quy định này, có thể hiểu là trong trường hợp bản án của toà án cấp sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật mà bị kháng cáo hoặc kháng nghị thì vụ án sẽ phải được xét xử lại chứ không phải là được xét lại hoặc xem xét

lại. Tuy nhiên, khi quy định về phạm vi xét xử phúc thẩm tại Điều 241 BLTTHS, nhà làm luật lại sử dụng cụm từ "xem xét" để chỉ hoạt động của hội đồng xét xử phúc thẩm là chưa chính xác và nhất quán. Sự chưa chính xác và nhất quán này, theo chúng tôi không chỉ đơn thuần là về câu chữ.

*Thứ hai*, nếu cho rằng xét xử phúc thẩm là việc "xem xét" thì đối tượng của việc "xem xét" này chắc chắn sẽ là vụ án mà bản án sơ thẩm đối với vụ án ấy bị kháng cáo, kháng nghị chứ không phải là nội dung của kháng cáo, kháng nghị như Điều 241 BLTTHS đã xác định. Ở đây, chắc chắn đã có sự nhầm lẫn của nhà làm luật về đối tượng của việc xét xử phúc thẩm nhưng không được phát hiện và sửa chữa kịp thời. Do đó, đã dẫn đến sự không chặt chẽ trong quy định của điều luật, dễ bị hiểu sai, mặc dù người làm luật, người nghiên cứu luật và người áp dụng luật có thể dễ dàng nhận thức được nội dung thật sự của quy định này về bản chất. Tuy nhiên, nếu không sửa chữa quy định chưa chính xác nói trên, chúng ta đều có thể giải thích một cách logic rằng nội dung của Điều 241 BLTTHS quy định trong trường hợp có kháng cáo hoặc kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm thì khi xét xử phúc thẩm, toà án cấp phúc thẩm sẽ xem xét nội dung kháng cáo hoặc kháng nghị đó, chứ

\* Giảng viên chính Khoa luật hình sự  
Trường Đại học Luật Hà Nội

không phải là xét xử lại toàn bộ vụ án mà nội dung của bản án sơ thẩm đối với vụ án đó bị kháng cáo, kháng nghị toàn bộ; khi có kháng cáo hoặc kháng nghị một phần bản án sơ thẩm thì toà án cấp phúc thẩm có thể xem xét các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nếu thấy cần thiết, chứ không phải là xét xử các phần khác của vụ án mà ở phần đó, quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo hoặc không bị kháng cáo, kháng nghị.

*Thứ ba*, căn cứ vào quy định tại Điều 230 BLTTHS về tính chất của phúc thẩm cũng như căn cứ vào Điều 20 BLTTHS về nguyên tắc hai cấp xét xử thì toà án cấp phúc thẩm chỉ xét xử bản án hoặc phần bản án sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị. Điều này có nghĩa là phần bản án chưa có hiệu lực pháp luật nhưng không bị kháng cáo, kháng nghị hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng hiện hành thì sau khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị sẽ có hiệu lực pháp luật và không thể là đối tượng của xét xử phúc thẩm, cho dù ở phần đó có thể toà án cấp sơ thẩm xét xử chưa đúng đắn. Việc xét xử cả phần bản án đã có hiệu lực pháp luật như vậy rõ ràng đã vi phạm quy định về cơ sở pháp lý của thủ tục phúc thẩm là thủ tục này chỉ được thực hiện khi có kháng cáo, kháng nghị. Quy định như vậy chính là sự mặc nhiên thừa nhận rằng dù không có kháng cáo hoặc không bị kháng cáo, kháng nghị nhưng một phần nào đó của bản án sơ thẩm vẫn bị xem xét lại và phán quyết của toà án cấp sơ thẩm ở phần đó có thể bị thay đổi về nội dung. Quy định này làm giảm đi rất nhiều ý nghĩa của chế định kháng cáo, kháng nghị và ít nhiều ảnh hưởng

đến quyền và lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng có liên quan. *Ví dụ*: Người bị hại xét thấy bản án đã tuyên đối với bị cáo phạm nhiều tội, trong đó có tội là chính xác, có tội chưa chính xác nên đã kháng cáo yêu cầu đòi tội danh nặng hơn hoặc áp dụng hình phạt khác nặng hơn hoặc nhẹ hơn chỉ đối với một hay một số tội trong vụ án, nếu toà phúc thẩm lại sửa bản án đối với các tội người này không kháng cáo và cũng không có bất cứ kháng cáo, kháng nghị nào khác và người bị hại không nhất trí với việc sửa án đó của toà án phúc thẩm thì họ không được kháng cáo đề yêu cầu xét xử lại nữa vì bản án phúc thẩm là chung thẩm (có hiệu lực pháp luật ngay sau khi tuyên án).

Với các lí do đã trình bày trên, chúng tôi cho rằng cần sửa đổi Điều 241 BLTTHS cho thống nhất với quy định về tính chất của xét xử phúc thẩm là xét xử lại vụ án mà bản án sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị bằng cách thay cụm từ “xem xét” trong quy định tại Điều 241 BLTTHS bằng cụm từ “xét xử lại”. Đồng thời, căn cứ vào nội dung của kháng cáo, kháng nghị để xác định phạm vi xét xử lại của toà án cấp phúc thẩm cho phù hợp với yêu cầu của nguyên tắc hai cấp xét xử, đảm bảo tính ổn định trong các phần của bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật do không có kháng cáo hoặc không bị kháng cáo, kháng nghị. Qua đó bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng có quyền và lợi ích pháp lí liên quan đến vụ án, trong trường hợp xét thấy ở các phần khác của bản án không bị kháng cáo, kháng nghị có điểm cần phải xem xét, đánh giá và quyết định lại cho phù hợp với quy định của pháp luật. Chúng tôi cho rằng đối với những

phần của bản án không có kháng cáo hoặc không bị kháng cáo, kháng nghị, hội đồng xét xử không thể xem xét. Ngay cả trong trường hợp ở những phần đó có những điểm nếu xem xét sẽ dẫn đến việc giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo có kháng cáo hoặc được kháng cáo, kháng nghị chứ chưa nói đến trường hợp vụ án đồng phạm nhưng có bị cáo không kháng cáo hoặc không bị kháng cáo, kháng nghị để đảm bảo tính ổn định của bản án theo tinh thần nguyên tắc hai cấp xét xử cũng như hiệu lực của chế định kháng cáo, kháng nghị. Việc không xem xét các phần khác của bản án không bị kháng cáo, kháng nghị không có nghĩa là toà án phúc thẩm bỏ qua những sai lầm, vi phạm của toà án cấp sơ thẩm, vì pháp luật vẫn còn quy định các thủ tục tố tụng hợp lệ khác để xét lại những phần bản án đã có hiệu lực pháp luật ấy, đó là thủ tục giám đốc thẩm hoặc tái thẩm. Toà án cấp phúc thẩm có thể ghi nhận vấn đề đó và kiến nghị với người có thẩm quyền xem xét kháng nghị để giải quyết theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc tái thẩm. Vì những lí do nêu trên, chúng tôi đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều 241 BLTTHS như sau:

Điều 241. Phạm vi xét xử phúc thẩm

“Nếu có kháng cáo, kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm, toà án cấp phúc thẩm xét xử lại toàn bộ vụ án. Nếu có kháng cáo, kháng nghị một phần bản án sơ thẩm, toà án cấp phúc thẩm chỉ xét xử lại phần vụ án có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị”.

2. Về thẩm quyền sửa bản án sơ thẩm của toà án cấp phúc thẩm (quyền hạn của hội đồng xét xử phúc thẩm) quy định cụ thể tại Điều 249 BLTTHS, theo đó hội đồng xét xử phúc thẩm có quyền sửa bản án sơ thẩm theo

hai hướng: hướng có lợi hoặc hướng không có lợi cho bị cáo với các điều kiện cụ thể khác nhau. Ở đây, chúng tôi chỉ đề cập quyền sửa bản án sơ thẩm theo hướng có lợi cho bị cáo.

Sửa bản án sơ thẩm theo hướng có lợi cho bị cáo là sự can thiệp trực tiếp vào bản án mà toà án cấp sơ thẩm đã tuyên, làm thay đổi nội dung của bản án theo hướng làm cho tình trạng của bị cáo có lợi hơn so với tình trạng của bị cáo tại bản án sơ thẩm. Theo quy định tại Điều 249 BLTTHS, việc sửa bản án theo hướng có lợi cho bị cáo hoàn toàn không phụ thuộc vào yêu cầu của kháng cáo, kháng nghị mà phụ thuộc vào kết quả xét xử lại của hội đồng xét xử phúc thẩm. Vì vậy đối với bị cáo có kháng cáo hoặc bị kháng cáo, kháng nghị dù kháng cáo, kháng nghị theo hướng nào chẳng nữa thì nếu có căn cứ hội đồng xét xử phúc thẩm vẫn có quyền sửa bản án theo hướng có lợi cho họ. Cụ thể, hội đồng xét xử phúc thẩm có quyền sửa bản án sơ thẩm như sau:

- Miễn trách nhiệm hình sự hoặc miễn hình phạt cho bị cáo;

- Áp dụng điều khoản Bộ luật hình sự về tội nhẹ hơn so với tội mà cấp sơ thẩm đã áp dụng. *Ví dụ:* Áp dụng khoản 2 Điều 138 thay cho khoản 1 Điều 133 mà toà án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo;

- Giảm hình phạt cho bị cáo: Là trường hợp toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng rút ngắn thời hạn hình phạt so với thời hạn hình phạt mà cấp sơ thẩm đã tuyên, *Ví dụ:* Giảm hình phạt tù từ 5 năm xuống còn 4 năm;

- Giảm mức bồi thường thiệt hại so với mức bồi thường mà toà án cấp sơ thẩm đã quyết định trong bản án. *Ví dụ:* Giảm mức bồi thường

từ 15 triệu đồng xuống còn 10 triệu đồng...;

- Chuyển sang hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn, ví dụ: Áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ thay cho hình phạt tù mà toà án cấp sơ thẩm đã tuyên;

- Giữ nguyên mức phạt tù và cho hưởng án treo. Đây không phải là trường hợp giảm hình phạt bản án sơ thẩm đã tuyên mà là trường hợp thay đổi biện pháp đảm bảo chấp hành hình phạt tù, từ biện pháp bắt buộc người bị áp dụng loại hình phạt này phải chấp hành hình phạt tại trại giam thành biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện, với việc ấn định cho người này thời gian thử thách nhất định, dưới sự giám sát, quản lý giáo dục của chính quyền nơi cư trú hoặc cơ quan tổ chức nơi làm việc của người này.

Chúng tôi cho rằng quy định về quyền sửa bản án sơ thẩm như trên là hoàn toàn phù hợp với mục đích của xét xử phúc thẩm là nhằm kiểm tra tính hợp pháp và tính có căn cứ của bản án sơ thẩm, phát hiện và sửa chữa những sai lầm, vi phạm trong việc áp dụng pháp luật về nội dung, bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng, nhất là của bị cáo.

Tuy nhiên, quy định tại khoản 2 Điều 249 BLTTHS về việc “nếu có căn cứ, toà án cấp phúc thẩm có thể giảm hình phạt hoặc áp dụng điều khoản của Bộ luật hình sự về tội nhẹ hơn; giữ nguyên mức hình phạt tù và cho hưởng án treo cho cả những bị cáo không kháng cáo hoặc không bị kháng cáo, kháng nghị” theo chúng tôi là chưa thật phù hợp. Bởi lẽ, mặc dù đây là trường hợp sửa bản án sơ thẩm theo hướng có lợi cho người không kháng cáo hoặc không bị kháng cáo, kháng nghị nhưng lại chứa đựng nhiều điểm bất hợp lý

như không phù hợp với nội dung của nguyên tắc hai cấp xét xử cũng như tính chất của xét xử phúc thẩm và quy định về hậu quả của kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm. Cụ thể là:

*Thứ nhất*, nguyên tắc hai cấp xét xử quy định: “*Bản án, quyết định sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị trong thời hạn do Bộ luật này quy định thì có hiệu lực pháp luật. Đối với bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị thì vụ án phải được xét xử phúc thẩm*”. Theo quy định của Điều 22 BLTTHS về đảm bảo hiệu lực của bản án và quyết định của toà án thì: “*Bản án và quyết định của toà án đã có hiệu lực pháp luật phải được thi hành và phải được các cơ quan, tổ chức và mọi công dân tôn trọng...*”. Trong trường hợp “*đối với bản án, quyết định của toà án đã có hiệu lực pháp luật mà phát hiện có vi phạm pháp luật hoặc có tình tiết mới thì được xem xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc tái thẩm*”. Theo tinh thần các điều luật trên thì bản án hoặc phần của bản án đã có hiệu lực pháp luật sẽ không là đối tượng xét xử phúc thẩm nữa, nếu bản án hoặc phần bản án đó bị phát hiện có vi phạm pháp luật nghiêm trọng hay có tình tiết mới có ý nghĩa làm thay đổi cơ bản nội dung của bản án hay phần bản án đó thì tùy trường hợp, người có thẩm quyền sẽ kháng nghị để xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc tái thẩm. Do vậy, nếu hội đồng xét xử phúc thẩm lại được giao quyền xem xét và quyết định đối với cả phần bản án không có kháng cáo hoặc không bị kháng cáo, kháng nghị như hiện nay là mâu thuẫn với quy định trong các điều luật đã phân tích ở trên và có vẻ như đã ít nhiều vô hiệu hoá các quy định về giám đốc thẩm, tái thẩm.



*Thứ hai*, Điều 230 BLTTHS quy định về tính chất của xét xử phúc thẩm như sau: “*Xét xử phúc thẩm là việc toà án cấp trên trực tiếp xét xử lại vụ án hoặc xét lại quyết định sơ thẩm mà bản án, quyết định sơ thẩm đối với vụ án đó chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo hoặc kháng nghị*”. Do vậy, bản án sơ thẩm hoặc phần của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị trong thời hạn luật định đương nhiên có hiệu lực pháp luật và không thể là đối tượng của xét xử phúc thẩm. Nếu cho phép hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét và quyết định (sửa bản án) đối với cả những phần của bản án sơ thẩm không có kháng cáo hoặc không bị kháng cáo, kháng nghị (tức phần của bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật) thì rõ ràng đã làm thay đổi về cơ bản tính chất của xét xử phúc thẩm quy định tại Điều 230 BLTTHS.

*Thứ ba*, Điều 237 BLTTHS quy định về hậu quả của việc kháng cáo, kháng nghị như sau: “*Những phần của bản án bị kháng cáo, kháng nghị thì chưa được đưa ra thi hành, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 255 của Bộ luật này.*<sup>(1)</sup> *Khi có kháng cáo, kháng nghị đối với toàn bộ bản án thì toàn bộ bản án chưa được đưa ra thi hành*”. Theo quy định này có thể hiểu rộng ra rằng phần bản án không bị kháng cáo, kháng nghị thì sẽ có hiệu lực pháp luật và phải được đưa ra thi hành. Việc xem xét cả những phần này sẽ làm giảm đi tính nghiêm minh của pháp luật và sự tôn trọng từ phía các cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan đối với giá trị và hiệu lực của bản án, quyết định của toà án. Đồng thời, với việc mở rộng phạm vi xét xử phúc thẩm như vậy không chỉ vi phạm nguyên tắc hai cấp xét xử mà còn có thể dẫn đến sự tuy

tiện từ phía toà án cấp phúc thẩm (hội đồng xét xử) trong việc thực hiện các quy định về thẩm quyền của mình khi xét xử.

Từ những lí giải trên, chúng tôi cho rằng để đảm bảo sự thống nhất trong quy định của BLTTHS về xét xử phúc thẩm, thực hiện đúng đắn, có hiệu quả nguyên tắc hai cấp xét xử, đảm bảo pháp chế trong tổ tụng và phù hợp với việc đề xuất sửa đổi phạm vi xét xử phúc thẩm đã nêu ở mục 1 trên đây, việc bỏ quy định tại khoản 2 Điều 249 BLTTHS về quyền sửa bản án sơ thẩm theo hướng có lợi cho bị cáo không kháng cáo hoặc không bị kháng cáo, kháng nghị là cần thiết. Trường hợp, khi xét xử phúc thẩm mà phát hiện ở những phần này có những điểm cần xem xét lại vì có vi phạm pháp luật nghiêm trọng là căn cứ kháng nghị quy định tại khoản Điều 273 BLTTHS hoặc phát hiện có tình tiết mới là căn cứ kháng nghị theo thủ tục tái thẩm quy định tại khoản Điều 291 BLTTHS thì toà án cấp phúc thẩm không sửa phần bản án đó mà đề nghị người có thẩm quyền xem xét kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc tái thẩm. Từ những lí giải trên, chúng tôi đề xuất bỏ khoản 2 Điều 249 BLTTHS về quyền sửa bản án sơ thẩm theo hướng có lợi cho cả bị cáo không kháng cáo hoặc không liên quan đến kháng cáo, kháng nghị./.

(1).Xem: Khoản 2 Điều 255 BLTTHS quy định: “*Trong trường hợp bị cáo đang bị tạm giam mà toà án cấp sơ thẩm quyết định đình chỉ vụ án, không kết tội, miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt cho bị cáo, hình phạt không phải là tù giam hoặc phạt tù nhưng cho hưởng án treo hoặc thời hạn phạt tù bằng hoặc ngắn hơn thời hạn đã tạm giam thì bản án hoặc quyết định của toà án được thi hành ngay, mặc dù vẫn có thể bị kháng cáo, kháng nghị*”.